

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 11-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Anh Tuấn – Phó Chủ tịch UBNDTTQ Việt Nam huyện Tuy Phong
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/HSST, ngày 19/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Đỗ Anh H**; tên gọi khác: H mèò; Giới tính: Nam; sinh ngày 10.10.1972, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú và chỗ ở: thôn 1, xã M huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; T độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án: không;

Tiền sự: 01 tiền sự, tại quyết định số 06/QĐ-XPTT ngày 24.7.2021 của Trưởng công an huyện P xử phạt Đặng Đỗ Anh H số tiền 2.000.000 đồng về hành vi: khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm dưới 10m³ (4,1m³) tại khu vực Triền Tân Phú, thuộc khu phố PH, thị trấn C, huyện P. (chưa được xóa tiền sự)

Quan hệ gia đình: Con ông Đặng Xuân P; sinh năm: không rõ (đã chết); Con bà Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm: 1948, hiện cư trú tại thôn 1, xã M, huyện P; Anh, chị, em ruột: có 01 người, sinh năm 1970; Vợ: Dương Thị T3, sinh năm 1975, hiện cư trú tại huyện B ; Con: 01 người, năm 2007.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo để tạm giam, từ ngày 04.3.2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P; Có mặt.

- **Người bị hại:** ông Võ Văn T, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện P, Bình Thuận; Có mặt;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961; Địa chỉ: khu phố M1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

2/ Bà Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1948; Địa chỉ: thôn 1, xã M, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- **Người Làm chứng:**

1/ Ông Võ Thành C, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

2/ Bà Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T sinh năm 1955 có 01 thửa đất đang tranh chấp với Nguyễn Thị Đ tại thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện P. T làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện P để giải quyết. Trong quá trình đợi Tòa án giải quyết đến ngày 25.9.2021, thông qua sự giới thiệu của Võ Thành C sinh năm 1972, cư trú tại thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện P là cháu của T. T có nói chuyện với Đặng Đỗ Anh H sinh năm 1972, cư trú tại thôn 1, xã M, huyện P. Do H đang gặp khó khăn về kinh tế nên H đến nhà của T và nói dối là H có quen biết với một số cán bộ ở Tòa án và ở huyện P nên có thể lo lót cho vụ kiện của T được thắng kiện tại Tòa án. T nghe H nên tin tưởng và nhờ H giúp cho T thắng vụ kiện dân sự tại Tòa. T đưa cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 701928, mang tên Võ Văn T, tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.312m², địa chỉ thửa đất Gân Hoàng Lang, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Do chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04.5.2006.

Từ ngày 25.9.2021 đến ngày 13.10.2021, H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của T 04 lần, cụ thể:

Lần thứ 01: khoảng chiều ngày 25.9.2021, sau khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T, H gọi điện thoại cho T nói với T chuẩn bị 5.000.000 đồng để đóng án phí nộp cho Tòa án. Sau đó H đi đến nhà T tại thôn Nha Mé, xã Phong Phú gặp T. T đưa cho H số tiền 5.000.000 đồng, lúc giao nhận tiền có Võ Thành C và Võ Thị Thanh T1 là con của T chứng kiến. H sử dụng số tiền 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 02: Ngày 30.9.2021, H gọi điện thoại cho T nói với T chuẩn bị số tiền 15.000.000 đồng để H lo lót cho vụ kiện của T và để đi nhậu với mấy sếp. Đến khoảng trưa ngày 01.10.2021, H đến nhà T để lấy tiền. T đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng tại nhà của T thuộc thôn Nha Mé, xã Phong Phú, Huyện P. Lúc giao nhận tiền có Võ Thị Thanh T1 là con của T chứng kiến. H sử dụng số tiền 15.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 03: Tiếp đến, ngày 07.10.2021, H gọi điện thoại cho T nói T chuẩn bị số tiền 13.000.000 đồng để H lo lót cho vụ việc của T và đi nhậu với mấy sếp. Đến

trưa ngày 08.10.2021, H đi đến nhà T để lấy tiền, T đưa cho H số tiền 13.000.000 đồng tại nhà của T. Có Võ Thị Thanh T1 là con của T chứng kiến. H sử dụng số tiền 13.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 04: Ngày 13.10.2021, H tiếp tục gọi điện thoại cho T và nói T chuẩn bị số tiền 10.000.000 đồng để H lo lót cho vụ việc của T và đi nhậu với mấy sếp. Đến trưa ngày 14.10.2021, H đến nhà T để lấy tiền, T nói với H chỉ còn 2.000.000 đồng và đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng tại nhà của T. Có Võ Thị Thanh T1 là con của T chứng kiến. H sử dụng số tiền 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 17.10.2021, H cùng Đỗ Thị Ngọc B sinh năm 1948 (là mẹ của H) mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn T đến đưa cho Nguyễn Thị T2 sinh năm 1961, cư trú tại khu phố M1, thị trấn C, huyện P để mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng vì trước đó H và B có cầm cố 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đỗ Thị Ngọc B cho Thêm với số tiền 520.000.000 đồng. T2 thấy số tiền vay thấp hơn giá trị thực tế của 02 lô đất đã nhận cầm cố nên đồng ý cho H vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. T2 giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T để H và B nhanh chóng trả lại số tiền đã mượn của T2.

Ngày 19.8.2022, T làm đơn tố cáo hành vi của Đặng Đỗ Anh H gửi đến C an xã Phong Phú. Đến ngày 29.3.2023, Nguyễn Thị T2 tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 701928 mang tên Võ Văn T cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Đỗ Anh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Đỗ Anh H mức án tù 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Về tang vật chứng: Đã trao trả cho Võ Văn T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 701928 do UBND huyện P cấp ngày 04.5.2006 cho ông Võ Văn T nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Võ Văn T yêu cầu Đặng Đỗ Anh H bồi thường số tiền 35.000.000 đồng. Ngày 21/4/2023 gia đình bị cáo đã bồi thường cho T, và T có đơn bãi nại cho bị cáo. Nên không xem xét phần bồi thường dân sự.

Riêng đối với hành vi của bị cáo Đặng Đỗ Anh H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn T để tạo lòng tin vay số tiền của Nguyễn Thị T2 thêm 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là thỏa thuận dân sự giữa bị cáo và T2, không có sự việc phạm tội nên không xem xét, xử lý.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Huyện P.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vì đã nhận thức được lỗi lầm của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đỗ Anh H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP, ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra từ ngày 25.9.2021 đến ngày 13.10.2021 tại thôn M, xã PH, huyện P. Mặc dù thực tế bị cáo Đặng Đỗ Anh H không quen biết và không có mối quan hệ gì với cán bộ Tòa án và cán bộ huyện P để nhờ giải quyết tranh chấp đất đai cho ông Võ Văn T nhưng bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, làm cho ông T tin tưởng sau đó đã 04 lần chiếm đoạt tổng số tiền 35.000.000 đồng của ông T, bị cáo sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân thì bị phát hiện, thu giữ tang vật chứng.

Vì vậy, Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Đặng Đỗ Anh H phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, do có

bản tính tham lam, lười lao động muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng thiếu hiểu biết của người khác để nhằm chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Hành động của bị cáo gây mất niềm tin làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự của cơ quan nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhân thân của bị cáo không tốt nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm chung. Vì vậy, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền bị hại yêu cầu, tại phiên tòa người bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo 01 phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Riêng đối với hành vi của bị cáo Đặng Đỗ Anh H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn T để tạo lòng tin vay số tiền của bà Nguyễn Thị T2 thêm 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là việc thỏa thuận dân sự giữa bị cáo và bà Thêm, không có sự việc phạm tội nên không xem xét, xử lý bị cáo là phù hợp.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện P:

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

[6] **Về tang vật chứng:** Đã trao trả cho ông Võ Văn T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 701928 do UBND huyện P cấp ngày 04.5.2006 mang tên Võ Văn T nên không xem xét.

[7] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại ông Võ Văn T yêu cầu bị cáo Đặng Đỗ Anh H bồi thường 35.000.000 đồng tiền bị cáo chiếm đoạt. Ngày 21/4/2023 gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông T 35.000.000đ, và ông T có đơn xin bãi nại cho bị cáo và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét phần bồi thường dân sự nữa.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Đỗ Anh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Đỗ Anh H** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Đỗ Anh H 01** (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 04/3/2023);

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo **Đặng Đỗ Anh H** phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện P;
- Bị cáo,
- Người bị hại; người liên quan;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy